

Bản án số: 17/2023/HS-ST
Ngày 28/4/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Nhu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Bền và ông Phạm Văn Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 20/2023/TLST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Q, sinh năm 1994 tại huyện T, tỉnh Hải Dương; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn O và bà Phạm Thị H; vợ là Phạm Thị N, có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Phạm Văn D, sinh ngày 14/12/2006; người đại diện hợp pháp của anh Doanh là: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1986; đều ở địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Hải Dương.

+ Anh Phạm Văn P, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn A1, xã A, huyện T, tỉnh Hải Dương.

+ Chị Trương Thị Thanh L, sinh năm 2001;

+ Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1999;

+ Anh Phạm Xuân T1, sinh năm 2003;

+ Anh Phạm Văn V, sinh năm 1997;

+ Anh Phạm Văn N, sinh ngày 16/7/2005; người đại diện hợp pháp của anh Ninh: Ông Phạm Văn N2, sinh năm 1947;

+ Anh Trương Hải A, sinh năm 2000;

+ Anh Phạm Hữu M, sinh năm 1999;

+ Anh Trương Khắc C, sinh năm 1994;

+ Anh Phạm Xuân K, sinh năm 2004;

Đều ở địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Hải Dương.

+ Anh Phạm Xuân Đ, sinh ngày 06/9/2006; người đại diện hợp pháp của anh Đ là: Ông Phạm Xuân P, sinh năm 1979; đều ở địa chỉ: Thôn L, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Những người có quyền lợi- nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người đại diện hợp pháp đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Q không có nghề nghiệp ổn định, ngày 28/02/2022, Q nảy sinh ý định cho người khác vay tiền với lãi suất cao để lấy tiền tiêu xài. Q mua phần mềm quản lý cầm đồ “Mecash”, đăng ký tên tài khoản “quyen1102”, mật khẩu là “kakaka123” bằng số điện thoại 0969.261.066 và sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12, vỏ màu trắng vào mạng Internet đăng nhập tài khoản “quyen1102” trên website: <http://admin.mecash.vn> để quản lý người vay, mức lãi suất, kỳ hạn đóng lãi của người vay. Khi có khách vay tiền, Q tìm hiểu, kiểm tra thông tin người vay, quy định mức lãi suất cho vay đối với hình thức vay tín chấp dao động từ 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày đến 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày (*Tương đương từ 109,5%/1 năm đến 182,5%/1 năm*). Khi người vay đồng ý, Q nhập thông tin người vay trên phần mềm gồm: Tên người vay, địa chỉ, ngày vay, lãi suất vay...để theo dõi, quản lý (*Thông thường Q chỉ nhập tên không có họ, tên đệm và địa chỉ không cụ thể*). Khi trả tiền lãi, người vay sẽ đến gặp Q đưa trực tiếp cho Q. Trong khoảng thời gian từ ngày 28/02/2022 đến ngày 02/11/2022, Q cho 12 người vay tiền với mức lãi suất cao tại xã A, huyện T, tỉnh Hải Dương như sau:

1. Ngày 15/3/2022, Q cho anh Phạm Văn D vay 5.000.000 đồng, với lãi suất 5.000 đồng/1triệu/1 ngày (tương đương lãi suất 182,5%/01 năm). Ngày 20/4/2022, anh Doanh trả Q tiền gốc 5.000.000 đồng và trả tiền lãi 875.000 đồng của 35 ngày vay. Q thu lời bất chính số tiền 779.110 đồng.

2. Ngày 26/4/2022, Q cho anh Phạm Văn P vay 10.000.000 đồng, với lãi suất 5.000 đồng/1triệu/1 ngày (tương đương lãi suất 182,5%/01 năm). Ngày 29/7/2022,

anh Phúc đã trả cho Q tiền gốc 10.000.000 đồng và trả tiền lãi 4.650.000 đồng của 93 ngày vay. Q thu lời bất chính số tiền 4.140.411 đồng.

3. Q cho chị Trương Thị Thanh L vay 02 lần, tổng số tiền vay là 15.000.000 đồng, lãi suất vay đều là 5.000 đồng/1triệu/1 ngày (tương đương lãi suất 182,5%/01 năm). Cụ thể các lần vay là:

- Lần 1: Ngày 06/03/2022, Q cho chị Lam vay 10.000.000 đồng. Ngày 29/7/2022, chị Lam đã trả Q số tiền gốc 10.000.000 đồng và trả tiền lãi 7.250.000 đồng, của 145 ngày vay. Q thu lời bất chính số tiền 6.455.479 đồng.

- Lần 2: Ngày 26/06/2022, Q cho chị Lam vay 5.000.000 đồng. Ngày 25/7/2022, chị Lam đã trả Q tiền gốc 5.000.000 đồng và trả tiền lãi 750.000 đồng của 30 ngày vay. Q thu lời bất chính số tiền 667.808 đồng.

Như vậy, chị Lam đã trả cho Q số tiền gốc là 15.000.000 đồng và trả tổng tiền lãi là 8.000.000 đồng. Q thu lời bất chính số tiền 7.123.287 đồng.

4. Q cho anh Phạm Văn Q vay 02 lần, tổng số tiền vay là 17.500.000 đồng, lãi suất vay đều là 5.000 đồng/1triệu/1 ngày (tương đương lãi suất 182,5%/01 năm). Cụ thể các lần vay là:

- Lần 1: Ngày 30/4/2022, Q cho anh Quý vay 15.000.000 đồng. Ngày 29/7/2022, anh Quý đã trả Q tiền gốc 15.000.000 đồng và trả tiền lãi 6.675.000 đồng của 89 ngày vay. Q thu lời bất chính số tiền 5.943.493 đồng.

- Lần 2: Ngày 04/7/2022, Q cho anh Quý vay 2.500.000 đồng. Ngày 17/7/2022 anh Quý đã trả tiền gốc 2.500.000 đồng và trả tiền lãi 175.000 đồng của 14 ngày vay. Q thu lời bất chính số tiền 155.822 đồng.

Như vậy, anh Quý đã trả cho Q đủ số tiền gốc là 17.500.000 đồng và trả tổng tiền lãi là 6.850.000 đồng. Q thu lời bất chính số tiền 6.099.315 đồng.

5. Ngày 20/3/2022, Q cho anh Phạm Xuân T1 vay 3.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1triệu/1 ngày (tương đương lãi suất 182,5%/01 năm). Ngày 20/4/2022, anh Tiến đã trả cho Q tiền gốc 3.000.000 đồng và trả tiền lãi 450.000 đồng của 30 ngày vay. Q thu lời bất chính số tiền 400.685 đồng.

6. Q cho anh Phạm Văn V vay 03 lần, tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng, lãi suất vay đều là 5.000 đồng/1triệu/1 ngày (tương đương lãi suất 182,5%/01 năm). Cụ thể các lần vay là:

- Lần 1: Ngày 15/3/2022, Q cho anh V vay 8.000.000 đồng. Ngày 29/7/2022, anh V đã trả cho Q tiền gốc 8.000.000 đồng và trả tiền lãi 5.360.000 đồng của 134 ngày vay. Q thu lời bất chính số tiền 4.772.603 đồng.

- Lần 2: Ngày 20/3/2022, Q cho anh V vay 7.000.000 đồng. Ngày 29/7/2022, anh V đã trả cho Q tiền gốc 7.000.000 đồng và trả tiền lãi 4.515.000 của 129 ngày vay. Q thu lời bất chính số tiền 4.020.205 đồng.

- Lần 3: Ngày 23/5/2022, Q cho anh V vay 5.000.000 đồng. Ngày 29/7/2022, anh V đã trả tiền gốc 5.000.000 đồng và trả tiền lãi 1.650.000 đồng của 66 ngày vay, Q thu lời bất chính số tiền 1.469.178 đồng.

Như vậy, anh V đã trả cho Q đủ số tiền gốc là 20.000.000 đồng và trả tổng tiền lãi là 11.525.000 đồng. Q thu lời bất chính số tiền 10.261.986 đồng.

7. Q cho anh Phạm Văn N vay 09 lần, tổng số tiền vay là 23.000.000 đồng, lãi suất mỗi lần vay đều là 5.000 đồng/1triệu/1 ngày (tương đương lãi suất 182,5%/01 năm). Cụ thể các lần vay là:

- Lần 1: Ngày 08/5/2022, Q cho anh Ninh vay 3.000.000 đồng. Ngày 18/05/2022, anh Ninh đã trả cho Q tiền gốc 3.000.000 đồng và trả tiền lãi 165.000 của 11 ngày vay. Q thu lời bất chính số tiền 146.918 đồng.

- Lần 2: Ngày 20/5/2022, Q cho anh Ninh vay 2.000.000 đồng. Cùng ngày 20/5/2022, anh Ninh đã trả cho Q tiền gốc 2.000.000 đồng và trả tiền lãi 10.000 đồng của 01 ngày vay. Q thu lời bất chính số tiền 8.904 đồng.

- Lần 3: Ngày 23/05/2022, Q cho anh Ninh vay 2.000.000 đồng. Ngày 27/5/2022, anh Ninh đã trả tiền gốc 2.000.000 đồng và trả tiền lãi 50.000 đồng của 05 ngày vay. Q thu lời bất chính số tiền 44.521 đồng.

- Lần 4: Ngày 26/05/2022, Q cho anh Ninh vay 2.000.000 đồng. Ngày 27/05/2022, anh Ninh đã trả cho Q tiền gốc 2.000.000 đồng và trả tiền lãi 20.000 đồng của 02 ngày vay. Q thu lời bất chính số tiền 17.808 đồng.

- Lần 5: Ngày 28/05/2022, Q cho anh Ninh vay 4.000.000 đồng. Ngày 29/07/2022 anh Ninh đã trả cho Q tiền gốc 4.000.000 đồng và trả tiền lãi 1.220.000 đồng của 61 ngày vay. Q thu lời bất chính số tiền 1.086.301 đồng.

- Lần 6: Ngày 29/05/2022, Q cho anh Ninh vay 3.000.000 đồng. Ngày 29/07/2022, anh Ninh đã trả cho Q tiền gốc 3.000.000 đồng và trả tiền lãi 900.000 đồng của 60 ngày vay. Q thu lời bất chính số tiền 801.370 đồng.

- Lần 7: Ngày 03/6/2022 Q cho anh Ninh vay 2.000.000 đồng. Ngày 29/07/2022, anh Ninh đã trả cho Q tiền gốc 2.000.000 đồng và trả tiền lãi 560.000 đồng của 56 ngày vay. Q thu lời bất chính số tiền 498.630 đồng.

- Lần 8: Ngày 05/7/2022, Q cho anh Ninh vay 1.000.000 đồng. Ngày 29/07/2022, anh Ninh đã trả cho Q tiền gốc 1.000.000 đồng và trả tiền lãi 125.000 đồng của 25 ngày vay. Q thu lời bất chính số tiền 111.301 đồng.

- Lần 9: Ngày 11/7/2022, Q cho anh Ninh vay 4.000.000 đồng. Ngày 29/7/2022, anh Ninh đã trả cho Q tiền gốc 4.000.000 đồng và trả tiền lãi 380.000 đồng của 19 ngày vay. Q thu lời bất chính số tiền 338.356 đồng.

Như vậy, anh Ninh đã trả cho Q đủ số tiền gốc 23.000.000 đồng và trả tổng số tiền lãi là 3.430.000 đồng. Q thu lời bất chính số tiền 3.054.109 đồng.

8. Ngày 17/3/2022, Q cho anh Phạm Xuân Đ vay 1.000.000 đồng, với lãi suất 5.000 đồng/1triệu/1 ngày (tương đương lãi suất 182,5%/01 năm). Ngày 29/07/2022, anh Đ đã trả cho Q tiền gốc 1.000.000 đồng và trả tiền lãi 660.000 đồng của 132 ngày vay. Q thu lời bất chính số tiền 587.671 đồng.

9. Q cho anh Trương Hải A vay 03 lần, tổng số tiền vay là 43.000.000 đồng, lãi suất vay đều là 3.000 đồng/1triệu/1 ngày, tương đương lãi suất 109,5%/01 năm. Cụ thể các lần vay là:

- Lần 1: Ngày 15/3/2022, Q cho anh Hải Anh vay 3.000.000 đồng. Ngày 29/7/2022, anh Hải Anh đã trả cho Q tiền gốc 3.000.000 đồng và trả tiền lãi 1.224.000 đồng của 136 ngày vay. Q thu lời bất chính số tiền 1.000.438 đồng.

- Lần 2: Ngày 03/6/2022, Q cho anh Hải Anh vay 5.000.000 đồng. Ngày 29/7/2022, anh Hải Anh đã trả cho Q tiền gốc 5.000.000 đồng và trả tiền lãi 855.000 đồng của 57 ngày vay. Q thu lời bất chính số tiền 698.836 đồng.

- Lần 3: Ngày 23/7/2022, Q cho anh Hải Anh vay 35.000.000 đồng. Ngày 29/7/2022, anh Hải Anh đã trả cho Q tiền gốc và trả tiền lãi 735.000 đồng của 07 ngày vay. Q thu lời bất chính số tiền 600.753 đồng.

Như vậy, anh Hải Anh đã trả cho Q đủ số tiền gốc 43.000.000 đồng và trả tổng số tiền lãi là 2.814.000 đồng. Q thu lời bất chính số tiền 2.300.027 đồng.

10. Ngày 23/7/2022, Q cho anh Phạm Hữu M vay 10.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1triệu/1 ngày (tương đương lãi suất 182,5%/01 năm). Ngày 29/7/2022, anh Mạnh đã trả cho Q tiền gốc 10.000.000 đồng và trả tiền lãi 350.000 đồng của 07 ngày vay. Q thu lời bất chính số tiền 311.644 đồng.

11. Q cho anh Trương Khắc C (Q thường gọi là Trường) vay 03 lần, tổng số tiền vay là 25.000.000 đồng, lãi suất các lần vay đều là 3.000 đồng/1triệu/1 ngày, tương đương lãi suất 109,5%/01 năm. Cụ thể các lần vay là:

- Lần 1: Ngày 28/2/2022, Q cho anh Cường vay 10.000.000 đồng. Ngày 29/7/2022, anh Cường đã trả cho Q tiền gốc 10.000.000 đồng và trả tiền lãi 4.530.000 đồng của 151 ngày vay. Q thu lời bất chính số tiền 3.702.603 đồng.

- Lần 2: Ngày 15/3/2022, Q cho anh Cường vay 5.000.000 đồng. Ngày 29/7/2022, anh Cường đã trả cho Q tiền gốc 5.000.000 đồng và trả tiền lãi 2.010.000 đồng của 134 ngày vay. Q thu lời bất chính số tiền 1.642.877 đồng.

- Lần 3: Ngày 09/5/2022, Q cho anh Cường vay 10.000.000 đồng. Ngày 29/7/2022, anh Cường đã trả cho Q tiền gốc 10.000.000 đồng và trả tiền lãi 2.400.000 đồng của 80 ngày vay. Q thu lời bất chính số tiền 1.961.644 đồng.

Như vậy, anh Cường đã trả cho Q đủ số tiền gốc 25.000.000 đồng và trả tổng số tiền lãi là 8.940.000 đồng. Q thu lời bất chính số tiền 7.307.124 đồng.

12. Q cho anh Phạm Xuân K vay 11 lần, với tổng số tiền vay là 66.500.000 đồng. Trong đó, 04 lần vay với tổng số tiền 14.000.000 đồng, có lãi suất vay đều là

5.000 đồng/1triệu/1 ngày (tương đương lãi suất 182,5%/01 năm). 07 lần còn lại, Q cho anh Kỳ vay không lấy lãi. Cụ thể các lần vay lấy lãi là:

- Lần 1: Ngày 18/5/2022, Q cho anh Kỳ vay 3.000.000 đồng. Ngày 19/5/2022, anh Kỳ đã trả cho Q tiền gốc 3.000.000 đồng và trả tiền lãi 30.000 đồng của 02 ngày vay. Q thu lời bất chính số tiền 26.712 đồng.

- Lần 2: Ngày 27/5/2022, Q cho anh Kỳ vay 3.000.000 đồng. Ngày 28/5/2022, anh Kỳ đã trả cho Q tiền gốc 3.000.000 đồng và trả tiền lãi 30.000 đồng của 02 ngày vay. Q thu lời bất chính số tiền 26.712 đồng.

- Lần 3: Ngày 27/5/2022, Q cho anh Kỳ vay 5.000.000 đồng. Cùng ngày, anh Kỳ đã trả cho Q tiền gốc 5.000.000 đồng và trả tiền lãi 25.000 đồng của 01 ngày vay. Q thu lời bất chính số tiền 22.260 đồng.

- Lần 4: Ngày 28/5/2022, Q cho anh Kỳ vay 3.000.000 đồng. Cùng ngày, anh Kỳ đã trả cho Q tiền gốc 3.000.000 đồng và trả tiền lãi 15.000 đồng của 01 ngày vay. Q thu lời bất chính số tiền 13.356 đồng.

Như vậy, anh Kỳ đã trả cho Q số tiền gốc 14.000.000 đồng và trả tổng số tiền lãi là 100.000 đồng. Q thu lời bất chính số tiền 89.040 đồng.

Công văn số 1352 ngày 14/11/2022, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam- Chi nhánh tỉnh Hải Dương xác định mức lãi suất như sau:

- Lãi suất cho vay 1.000đ/1 triệu/1 ngày tương đương là 36,50%/1 năm;
- Lãi suất cho vay 2.000đ/1 triệu/1 ngày tương đương là 73%/1 năm;
- Lãi suất cho vay 2.500đ/1 triệu/1 ngày tương đương là 91,25%/1 năm;
- Lãi suất cho vay 3.000đ/1 triệu/1 ngày tương đương là 109,5%/1 năm;
- Lãi suất cho vay 3.500đ/1 triệu/1 ngày tương đương là 127,75%/1 năm;
- Lãi suất cho vay 4.000đ/1 triệu/1 ngày tương đương là 146%/1 năm;
- Lãi suất cho vay 4.500đ/1 triệu/1 ngày tương đương là 164,25%/1 năm;
- Lãi suất cho vay 5.000đ/1 triệu/1 ngày tương đương là 182,5%/1 năm;
- Lãi suất cho vay 5.500đ/1 triệu/1 ngày tương đương là 200,75%/1 năm;
- Lãi suất cho vay 6.000đ/1 triệu/1 ngày tương đương là 219%/1 năm.

Tổng số tiền gốc Nguyễn Văn Q đã cho 12 người vay là 186.500.000 đồng với lãi suất trên 100%/1 năm (*từ 109,5%/1 năm đến 182,5%/1 năm*), số tiền lãi đã thu là 48.644.000 đồng, trong đó tiền lãi Q thu theo lãi suất 20%/năm (quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 5 Thông tư số 14/2017/TT- NHNN ngày 29/9/2017 của Thống đốc NHNN Việt Nam) là 6.189.589 đồng; tiền Q thu lời bất chính trong việc cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất (20%) quy định trong Bộ luật dân sự là 42.454.411 đồng, gồm anh Phạm Văn D 779.110 đồng; anh Phạm Văn P 4.140.411 đồng; chị Trương Thị Thanh L 7.123.287 đồng; anh Phạm Văn Q 6.099.315 đồng; anh Phạm Xuân T1 400.685 đồng; anh Phạm Văn V

10.261.986 đồng; anh Phạm Văn N 3.054.109 đồng; anh Phạm Xuân Đ 587.671 đồng; anh Trương Hải A 2.300.027 đồng; anh Phạm Hữu M 311.644 đồng; anh Trương Khắc C 7.307.124 đồng; anh Phạm Xuân K 89.040 đồng.

Tại bản cáo trạng số 20/CT-VKS-TK ngày 29/3/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”; áp dụng khoản 1 Điều 201, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Q từ 50 triệu đến 70 triệu đồng nộp vào ngân sách nhà nước; xử lý vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, truy thu sung quỹ Nhà nước của Nguyễn Văn Q 186.500.000 đồng tiền vay gốc và 6.189.589 đồng là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm; tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại Iphone 12, kèm sim số 0969.261.006; buộc Nguyễn Văn Q trả cho những người có quyền lợi- nghĩa vụ liên quan số tiền như sau: Anh Phạm Văn D 779.110 đồng, anh Phạm Văn P 4.140.411 đồng, chị Trương Thị Thanh L 7.123.287 đồng, anh Phạm Văn Q 6.099.315 đồng, anh Phạm Xuân T1 400.685 đồng, anh Phạm Văn V 10.261.986 đồng, anh Phạm Văn N 3.054.109 đồng, anh Phạm Xuân Đ 587.671 đồng, anh Trương Hải A 2.300.027 đồng, anh Phạm Hữu M 311.644 đồng, anh Trương Khắc C 7.307.124 đồng, anh Phạm Xuân K 89.040 đồng; về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra, không có ý kiến gì về luận tội của đại diện Viện kiểm sát và đề nghị Hội đồng xét xử quyết định cho bị cáo hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án này, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tứ Kỳ, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi - nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với biên bản vụ việc và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 28/02/2022 đến ngày 02/11/2022, tại nơi cư trú của mình ở thôn T,

xã A, huyện T, tỉnh Hải Dương, Nguyễn Văn Q trực tiếp cho anh Phạm Văn D, chị Trương Thị Thanh L, anh Phạm Văn Q, anh Phạm Văn V, anh Phạm Văn N, anh Trương Hải A, anh Trương Khắc C, anh Phạm Xuân K, anh Phạm Văn P và anh Phạm Xuân Đ vay tổng số tiền 186.500.000 đồng với lãi suất vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất (20%) quy định trong Bộ luật dân sự. Tổng số tiền Q thu lời bất chính là 42.454.411 đồng.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi cho vay trong giao dịch dân sự với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là vi phạm pháp luật, song với mục đích kiếm lời trái pháp luật, bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Mặc dù bị cáo cho nhiều người vay (12 người vay) nhưng việc thu lời bất chính của mỗi người đều dưới 30 triệu đồng, các hành vi này chưa bị xử phạt vi phạm hành chính và chưa hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, tổng số tiền mà bị cáo thu lời bất chính là 42.454.411 đồng nên hành vi của bị cáo chỉ cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là hoàn toàn có căn cứ.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng, mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, qua đó xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người vay, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, HĐXX thấy bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, không có tiền án, tiền sự, phạm tội vì mục đích tư lợi nên chỉ cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người tốt và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo đã bị áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng: Tổng số tiền gốc 186.500.000 đồng mà bị cáo sử dụng cho vay là phương tiện phạm tội, những người vay tiền đã trả đủ bị cáo số tiền gốc này nên cần truy thu của bị cáo để sung quỹ Nhà nước.

[10] Đối với số tiền lãi Q đã thu là 48.644.000 đồng, trong đó tiền lãi theo lãi suất 20%/năm là 6.189.589 đồng, khoản tiền này do bị cáo phạm tội mà có nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước; còn đối với số tiền lãi vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất (20%) quy định trong bộ luật dân sự là 42.454.411 đồng, đây là tiền thu lời bất chính, buộc bị cáo phải trả lại cho những người mà Q đã thu, trong đó trả cho anh Phạm Văn D 779.110 đồng; anh Phạm Văn P 4.140.411 đồng; chị Trương Thị Thanh L 7.123.287 đồng; anh Phạm Văn Q 6.099.315 đồng; anh Phạm Xuân T1 400.685 đồng; anh Phạm Văn V 10.261.986 đồng; anh Phạm Văn N 3.054.109 đồng; anh Phạm Xuân Đ 587.671 đồng; anh Trương Hải A 2.300.027 đồng; anh Phạm Hữu M 311.644 đồng; anh Trương Khắc C 7.307.124 đồng; anh Phạm Xuân K 89.040 đồng.

[11] Đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 12, vỏ màu trắng, loại 64GB, lắp sim số: 0969.261.066 của Q sử dụng đăng nhập vào phần mềm Mecash để quản lý khách vay tiền là công cụ phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

[12] Trong vụ án này, bị cáo Q còn cho anh Phạm Xuân K vay số tiền 51.500.000 đồng làm 07 lần nhưng không lấy lãi nên bị cáo không phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khoản tiền này.

[13] Ngoài ra, Nguyễn Văn Q còn cho 28 lượt vay tín chấp lãi suất trên 100%/1 năm với tổng tiền cho vay là 181.500.000 đồng, tổng số tiền lãi đã thu là 50.707.000 đồng, tổng số tiền thu lời bất chính là 44.968.589 đồng. Do Q không xác định được thông tin họ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của những người vay, cơ quan điều tra xác minh trên địa bàn nơi người vay sinh sống nhưng không xác định được là ai. Do đó không đủ cơ sở kết luận hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Q đối với những người này.

[14] Về án phí: Bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 201, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước. Bị cáo phải nộp tiền phạt một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Truy thu sung quỹ Nhà nước của bị cáo Nguyễn Văn Q 186.500.000 đồng tiền gốc và 6.189.589 đồng là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm; tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại Iphone 12, kèm sim số 0969.261.006 là phương tiện phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn Q (*đặc điểm vật chứng theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 19/4/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tứ Kỳ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ*).

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải trả lại cho anh Phạm Văn D, sinh năm 2006, địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Hải Dương 779.110 đồng; trả cho anh Phạm Văn P, sinh năm 1987, địa chỉ: Thôn A1, xã A, huyện T, tỉnh Hải Dương 4.140.411 đồng; trả cho chị Trương Thị Thanh L, sinh năm 2001, địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Hải Dương 7.123.287 đồng; trả cho anh Phạm Văn Q, sinh năm 1999, địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Hải Dương 6.099.315 đồng; trả cho anh Phạm Xuân T1, sinh năm 2003, địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Hải Dương 400.685 đồng; trả cho anh Phạm Văn V, sinh năm 1997, địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Hải Dương 10.261.986 đồng; trả cho anh Phạm Văn N, sinh năm 2005, địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Hải Dương 3.054.109 đồng; trả cho anh Phạm Xuân Đ, sinh năm 2006, địa chỉ: Thôn L, xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương 587.671 đồng; trả cho anh Trương Hải A, sinh năm 2000, địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Hải Dương 2.300.027 đồng; trả cho anh Phạm Hữu M, sinh năm 1999, địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Hải Dương 311.644 đồng; trả cho anh Trương Khắc C, sinh năm 1994, địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Hải Dương 7.307.124 đồng; trả cho anh Phạm Xuân K, sinh năm 2004, địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Hải Dương 89.040 đồng là khoản tiền lãi trên mức lãi suất 20%/năm mà bị cáo thu lợi bất chính từ người vay.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải chịu trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể nhận được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Cơ quan cảnh sát điều tra, Cơ quan THA hình sự, Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ Công an huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THADS huyện Tứ Kỳ;
- Sở Tư pháp Hải Dương;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi - nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS; Lưu VP;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Hương Nhu